

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ Y TẾ

Số: 1613 /SYT-NVD

V/v báo cáo kết quả trúng thầu dược
liệu, vị thuốc cổ truyền năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 17 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Cục Quản lý Y, dược cổ truyền

Thực hiện Công văn số 261/YDCT-QLD ngày 20/05/2019 của Cục Quản lý Y, dược cổ truyền V/v báo cáo kết quả trúng thầu dược liệu, vị thuốc cổ truyền năm 2019.

Sở Y tế đã tiến hành tổng hợp số liệu kết quả trúng thầu và sử dụng dược liệu, vị thuốc cổ truyền trên địa bàn tỉnh Bình Định (phụ lục kèm theo).

Sở Y tế kính báo./ And

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVD.

17/6

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Trung

Phụ lục

BÁO CÁO KẾT QUẢ TRÚNG THẦU ĐƯỢC LIỆU/VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm Công văn số 1613/SYT-NVD ngày 17/6/2019 của Sở Y tế Bình Định)

I. Thông tin chung:

Tên đơn vị báo cáo: Sở Y tế Bình Định

Họ tên người báo cáo: Nguyễn Anh Khoa

Điện thoại QQ: (056) 3792836 Điện thoại di động: 0397243434

Email:khoana@syt.binhdinhh.gov.vn

II. Thông tin chi tiết gói thầu:

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu										Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian		
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến	
Nhóm 1: Vị thuốc cổ truyền được chế biến bởi cơ sở đủ điều kiện chế biến dược liệu, được công bố trên Trang Thông tin điện tử của Cục Quản lý Y Dược cổ truyền																		
I. Nhóm phát tán phong hàn																		
1	Bạch chi	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	468	217.350	101.719.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	93	01/08/2018	31/03/2019	
2	Kinh giới	<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	103	155.400	16.006.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	65	01/08/2018	31/03/2019	
3	Ma hoàng	<i>Herba Ephedrae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	106	241.500	25.599.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	30	01/08/2018	31/03/2019	
4	Quế chi	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	813	130.200	105.852.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	268	01/08/2018	31/03/2019	
5	Sinh khương	<i>Rhizoma Zingiberis recens</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	173	125.000	21.625.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	11	01/08/2018	31/03/2019	
6	Tế tân	<i>Radix et Rhizoma Asari</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	382	705.600	269.539.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	93	01/08/2018	31/03/2019	
7	Tô diệp	<i>Folium Perillae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	31	88.200	2.734.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	2	01/08/2018	31/03/2019	
8	Tân di	<i>Flos Magnoliae liliflorae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	55	506.100	27.835.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019	
II. Nhóm phát tán phong nhiệt																		
9	Bạc hà	<i>Herba Menthae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	90	240.000	21.600.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	37	01/08/2018	31/03/2019	
10	Cát căn	<i>Radix Puerariae thomsonii</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	407	180.600	73.504.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	88	01/08/2018	31/03/2019	
11	Cốc tinh thảo	<i>Flos Eriocauli</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	42	156.450	6.570.900	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019	
12	Cúc hoa	<i>Flos Chrysanthemi indici</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	451	840.000	378.840.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	61	01/08/2018	31/03/2019	

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
13	Đậu đen	<i>Semen Vignae cylindricae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	44	60.900	2.679.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	20	01/08/2018	31/03/2019
14	Lức (Sài hồ nam)	<i>Radix Pluchaeae pteropodae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	164	137.025	22.472.100	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	20	01/08/2018	31/03/2019
15	Mạn kinh tử	<i>Fructus Viticis</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	193	245.000	47.285.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	26	01/08/2018	31/03/2019
16	Ngưu bàng tử	<i>Fructus Arctii lappae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	44	380.100	16.724.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
17	Sài hồ	<i>Radix Bupleuri</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	299	705.600	210.974.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	60	01/08/2018	31/03/2019
18	Thăng ma	<i>Rhizoma Cimicifugae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	503	407.400	204.922.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	51	01/08/2018	31/03/2019
19	Thuyền thoái	<i>Periostracum cicadae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	31	1.456.350	45.146.850	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	1	01/08/2018	31/03/2019
III. Nhóm phát tán phong thấp																	
20	Độc hoạt	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	1.681	315.000	529.515.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	742	01/08/2018	31/03/2019
21	Hy thiêm	<i>Herba Siegesbeckiae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	66	173.250	11.434.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	6	01/08/2018	31/03/2019
22	Khương hoạt	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	787	1.508.850	1.187.464.950	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	353	01/08/2018	31/03/2019
23	Mộc qua	<i>Fructus Chaenomeles speciosae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	412	279.300	115.071.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	284	01/08/2018	31/03/2019
24	Ngũ gia bì chân chim	<i>Cortex Schefflerae heptaphyllae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	201	190.050	38.200.050	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	39	01/08/2018	31/03/2019
25	Phòng phong	<i>Radix Saposhnikovia divaricatae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	1.367	1.417.500	1.937.722.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	621	01/08/2018	31/03/2019
26	Tân giao	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	1.684	1.260.000	2.121.840.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	267	01/08/2018	31/03/2019
27	Tang chi	<i>Ramulus Mori albae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	620	240.000	148.800.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	106	01/08/2018	31/03/2019
28	Tang ký sinh	<i>Herba Loranthei gracilifolii</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	2.217	181.650	402.718.050	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	480	01/08/2018	31/03/2019

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
29	Thiên niên kiện	<i>Rhizoma Homalomenae occulatae</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	838	264.600	221.734.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	238	01/08/2018	31/03/2019
30	Trinh nữ (xấu hổ)	<i>Herba Mimosa pudica</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	167	106.050	17.710.350	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	18	01/08/2018	31/03/2019
31	Uy linh tiên	<i>Radix et Rhizoma Clematidis</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	416	554.400	230.630.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	213	01/08/2018	31/03/2019
IV. Nhóm thuốc trừ hàn																	
32	Can khương	<i>Rhizoma Zingiberis</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	152	164.850	25.057.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	12	01/08/2018	31/03/2019
33	Dại hồi	<i>Fructus Illicii veri</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	30	298.200	8.946.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	2	01/08/2018	31/03/2019
34	Địa liên	<i>Rhizoma Kaempferiae galangae</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	36	610.000	21.960.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
35	Đinh hương	<i>Flos Syzygii aromatici</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	28	957.600	26.812.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
36	Ngô thù du	<i>Fructus Evodiae rutaecarpae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	69	675.150	46.585.350	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	24	01/08/2018	31/03/2019
37	Ngô thù du	<i>Fructus Evodiae rutaecarpae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	43	794.850	34.178.550	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	11	01/08/2018	31/03/2019
38	Thảo quả	<i>Fructus Amomi aromatici</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	48	440.000	21.120.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	37	01/08/2018	31/03/2019
V. Nhóm hồi dương cứu nghịch																	
39	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	<i>Radix Aconiti lateralis preparata</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	106	491.400	52.088.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	2	01/08/2018	31/03/2019
40	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	<i>Radix Aconiti lateralis preparata</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	35	890.000	31.150.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	6	01/08/2018	31/03/2019
41	Quế nhục	<i>Cortex Cinnamomi</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	394	149.100	58.745.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	58	01/08/2018	31/03/2019
VI. Nhóm thanh nhiệt giải thử																	
42	Bạch biển đậu	<i>Semen Lablab</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	42	198.450	8.334.900	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
43	Hương nhu	<i>Herba Ocimi</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	37	158.000	5.846.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	2	01/08/2018	31/03/2019
VII. Nhóm thanh nhiệt giải độc																	

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
44	Bồ công anh	<i>Herba Lactucacae indicae</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	101	106.050	10.711.050	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	21	01/08/2018	31/03/2019
45	Diếp cá (ngư tinh thảo)	<i>Herba Houttuyniae cordatae</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	11	107.100	1.178.100	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	5	01/08/2018	31/03/2019
46	Diệp hạ châu	<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	43	197.400	8.488.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
47	Kim ngân hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	189	785.400	148.440.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	68	01/08/2018	31/03/2019
48	Kim ngân hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	69	855.750	59.046.750	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	6	01/08/2018	31/03/2019
49	Liên kiều	<i>Fructus Forsythiae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	101	624.750	63.099.750	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	20	01/08/2018	31/03/2019
50	Sài đất	<i>Herba Wedeliae</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	78	94.000	7.332.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	11	01/08/2018	31/03/2019
51	Thổ phục linh	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	1.282	210.000	269.220.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	258	01/08/2018	31/03/2019
52	Xa can (Rẻ quạt)	<i>Rhizoma Belamcandae</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	45	350.000	15.750.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	8	01/08/2018	31/03/2019
VIII. Nhóm thanh nhiệt tả hỏa																	
53	Chi tử	<i>Fructus Gardeniae</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	66	315.000	20.790.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	42	01/08/2018	31/03/2019
54	Hạ khô thảo	<i>Spica Prunellae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	26	231.000	6.006.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	1	01/08/2018	31/03/2019
55	Huyền sâm	<i>Radix Scrophulariae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	53	220.500	11.686.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	133	01/08/2018	31/03/2019
56	Huyền sâm	<i>Radix Scrophulariae</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	591	470.000	277.770.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	250	01/08/2018	31/03/2019
57	Thạch cao (sống được)	<i>Gypsum fibrosum</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	60	140.000	8.400.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	2	01/08/2018	31/03/2019
58	Tri mẫu	<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	87	315.000	27.405.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	37	01/08/2018	31/03/2019
IX. Nhóm thanh nhiệt táo thấp																	
59	Hoàng bá	<i>Cortex Phellodendri</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	87	246.750	21.467.250	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	8	01/08/2018	31/03/2019
60	Hoàng cầm	<i>Radix Scutellariae</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	668	379.050	253.205.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	64	01/08/2018	31/03/2019

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
61	Hoàng đằng	<i>Caulis et Radix Fibraureae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEK	Gói 1kg/2kg	Kg	52	191.100	9.937.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	2	01/08/2018	31/03/2019
62	Hoàng liên	<i>Rhizoma Coptidis</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	76	949.200	72.139.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	34	01/08/2018	31/03/2019
63	Khô sâm	<i>Folium et Ramulus Crotonis tonkinensis</i>	Nam	Việt Nam	TCCS	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	46	168.000	7.728.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	91	01/08/2018	31/03/2019
64	Long đóm thảo	<i>Radix et Rhizoma Gentianae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	36	605.850	21.810.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
65	Nhân trần	<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	40	150.150	6.006.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	3	01/08/2018	31/03/2019
X. Nhóm thanh nhiệt lương huyết																	
66	Bạch mao căn	<i>Rhizoma Imperatae cylindrica</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	58	136.500	7.917.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	11	01/08/2018	31/03/2019
67	Địa cốt bì	<i>Cortex Lycii chinensis</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEK	Gói 1kg/2kg	Kg	289	684.600	197.849.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	93	01/08/2018	31/03/2019
68	Mẫu đơn bì	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	1.283	451.500	579.274.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	147	01/08/2018	31/03/2019
69	Sâm đại hành	<i>Bulbus Eleutherinis subaphyllae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	66	160.000	10.560.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	30	01/08/2018	31/03/2019
70	Sinh địa	<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	727	260.400	189.310.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	135	01/08/2018	31/03/2019
71	Sinh địa	<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	112	311.850	34.927.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	2	01/08/2018	31/03/2019
72	Thiên hoa phấn	<i>Radix Trichosanthis</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	507	199.500	101.146.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	17	01/08/2018	31/03/2019
73	Xích thực	<i>Radix Paeoniae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEK	Gói 1kg/2kg	Kg	1.370	467.250	640.132.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	392	01/08/2018	31/03/2019
XI. Nhóm thuốc trừ sâu																	
74	Bạch giới tử	<i>Semen Sinapis albae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	35	367.500	12.862.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	7	01/08/2018	31/03/2019
75	Bạch phụ tử	<i>Rhizoma Typhonii gigantei</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	20	873.600	17.472.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
76	Bán hạ bắc	<i>Rhizoma Pinelliae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	147	494.550	72.698.850	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	51	01/08/2018	31/03/2019
77	Bán hạ nam (Củ chóc)	<i>Rhizoma Typhonii trilobati</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	63	243.600	15.346.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	12	01/08/2018	31/03/2019
78	Thỏ bói mẫu	<i>Bulbus pseudolarix</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	170	1.251.600	212.772.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	11	01/08/2018	31/03/2019
79	Xuyên bói mẫu	<i>Bulbus Fritillariae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	20	1.997.100	39.942.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
80	Trúc nhự	<i>Caulis Bambusae in Taeniis</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	12	176.400	2.116.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
XII. Nhóm thuốc chi khái bình suyễn																	
81	Bách bộ	<i>Radix Stemonae tuberosae</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	106	260.400	27.602.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	5	01/08/2018	31/03/2019
82	Hạnh nhân	<i>Semen Armeniacae amarum</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	29	525.000	15.225.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	28	01/08/2018	31/03/2019
83	Tang bạch bì	<i>Cortex Mori albae radialis</i>	Nam	Việt Nam	TCCS	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	85	173.250	14.726.250	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	19	01/08/2018	31/03/2019
84	Tô tử	<i>Fructus Perillae frutescens</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	12	198.450	2.381.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
85	Tiền hồ	<i>Radix Peucedani</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	23	357.000	8.211.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	30	01/08/2018	31/03/2019
86	Bách hợp	<i>Bulbus Lilii</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	12	409.500	4.914.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	120	01/08/2018	31/03/2019
87	Cát cánh	<i>Radix Platycodi grandiflori</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	70	630.000	44.100.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	11	01/08/2018	31/03/2019
XIII. Nhóm thuốc bình can tức phong																	
88	Câu đằng	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	261	390.600	101.946.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	33	01/08/2018	31/03/2019
89	Thiên ma	<i>Rhizoma Gastrodiae elatae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	363	1.146.600	416.215.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	20	01/08/2018	31/03/2019
90	Địa long	<i>Pheretima</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	406	1.575.000	639.450.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	315	01/08/2018	31/03/2019

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
91	Bạch cương tằm	<i>Bombyx Botryticatus</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	45	1.050.000	47.250.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
XIV. Nhóm thuốc an thần																	
92	Bá tử nhân	<i>Semen Platycladi orientalis</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	227	805.350	182.814.450	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	117	01/08/2018	31/03/2019
93	Lạc tiên	<i>Herba Passiflorae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	598	140.700	84.138.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	399	01/08/2018	31/03/2019
94	Liên tâm	<i>Embryo Nelumbinis nuciferae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	71	441.000	31.311.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	13	01/08/2018	31/03/2019
95	Linh chi	<i>Ganoderma</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	14	1.104.600	15.464.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	2	01/08/2018	31/03/2019
96	Phục thần	<i>Poria</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	275	467.250	128.493.750	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	131	01/08/2018	31/03/2019
97	Táo nhân	<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	1.218	617.400	751.993.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	165	01/08/2018	31/03/2019
98	Thạch quyết minh	<i>Concha Haliotidis</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	39	205.000	7.995.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
99	Thảo quyết minh	<i>Semen Cassiae torae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	149	214.200	31.915.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	32	01/08/2018	31/03/2019
100	Viễn chí	<i>Radix Polygalae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	991	1.305.150	1.293.403.650	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	135	01/08/2018	31/03/2019
XV. Nhóm thuốc khai khiếu																	
101	Thạch xương bồ	<i>Rhizoma Acori graminei</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	65	367.500	23.887.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	8	01/08/2018	31/03/2019
XVI. Nhóm thuốc hành khí																	
102	Chỉ xác	<i>Fructus Aurantii</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	95	200.000	19.000.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	76	01/08/2018	31/03/2019
103	Hậu phác	<i>Cortex Magnoliae officinali</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	100	159.600	15.960.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	31	01/08/2018	31/03/2019
104	Hậu phác nam	<i>Cortex Cinnamomi mers</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	40	217.350	8.694.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	57	01/08/2018	31/03/2019
105	Hương phụ	<i>Rhizoma Cyperi</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	195	206.850	40.335.750	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	76	01/08/2018	31/03/2019
106	Mộc hương	<i>Radix Saussureae lappae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	108	222.600	24.040.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	8	01/08/2018	31/03/2019

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
107	Mộc hương nam	<i>Cortex Aristolochiae Balansae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	40	375.000	15.000.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	4	01/08/2018	31/03/2019
108	Sa nhân	<i>Fructus Amomi</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	171	869.400	148.667.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	12	01/08/2018	31/03/2019
109	Thanh bì	<i>Pericarpium Citri reticulatae viridae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	74	190.000	14.060.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	8	01/08/2018	31/03/2019
110	Trần bì	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	681	154.350	105.112.350	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	194	01/08/2018	31/03/2019
111	Ô dược	<i>Radix Linderae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	51	212.100	10.817.100	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	6	01/08/2018	31/03/2019
XVII. Nhóm thuốc hoạt huyết, khử ứ																	
112	Đan sâm	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	1.543	319.200	492.525.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	413	01/08/2018	31/03/2019
113	Đào nhân	<i>Semen Pruni</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	680	472.500	321.300.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	290	01/08/2018	31/03/2019
114	Hồng hoa	<i>Flos Carthami tinctorii</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	564	949.200	535.348.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	297	01/08/2018	31/03/2019
115	Huyền hồ	<i>Tuber Corydalis</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	107	804.300	86.060.100	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	4	01/08/2018	31/03/2019
116	Huyết giác	<i>Lignum Dracaenae cambodianae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	22	268.800	5.913.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	10	01/08/2018	31/03/2019
117	Ích mẫu	<i>Herba Leonuri japonici</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	57	173.250	9.875.250	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
118	Kê huyết đằng	<i>Caulis Spatholobi</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	701	140.700	98.630.700	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	417	01/08/2018	31/03/2019
119	Khương hoàng/ Uất kim	<i>Rhizoma et Radix Curcumae longae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	348	295.050	102.677.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	52	01/08/2018	31/03/2019
120	Một dược	<i>Myrrha</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐDVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	42	674.100	28.312.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	5	01/08/2018	31/03/2019
121	Nga truật	<i>Rhizoma Curcumae zedoariae</i>	Nam	Việt Nam	ĐDVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	15	280.000	4.200.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
122	Ngưu tất	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐDVN IV	ANHUI YUANHETANG PHARMACEUTICAL CO., LTD	Gói 1kg/2kg	Kg	2.987	440.000	1.314.280.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	1218	01/08/2018	31/03/2019

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
123	Nhũ hương	<i>Gummi resina Olibanum</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	44	569.100	25.040.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	4	01/08/2018	31/03/2019
124	Tô mộc	<i>Lignum sappan</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	131	210.000	27.510.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	35	01/08/2018	31/03/2019
125	Xuyên khung	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	2.910	379.050	1.103.035.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	782	01/08/2018	31/03/2019
XVIII. Nhóm thuốc chỉ huyết																	
126	Cỏ nhọ nôi	<i>Herba Ecliptae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	16	77.700	1.243.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	7	01/08/2018	31/03/2019
127	Hoè hoa	<i>Flos Styphnolobii japonici</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	363	264.600	96.049.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	47	01/08/2018	31/03/2019
128	Ngải cứu (ngải diệp)	<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	67	145.950	9.778.650	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
129	Tam thất	<i>Radix Panasus notoginseng</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	16	2.441.250	39.060.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
130	Trắc bách diệp	<i>Cacumen Platycladi</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	49	250.950	12.296.550	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
XIX. Nhóm thuốc thẩm thấp lợi thủy																	
131	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	<i>Poria</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	2.465	348.600	859.299.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	956	01/08/2018	31/03/2019
132	Đẳng tâm thảo	<i>Medulla Junci effusi</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	37	1.700.000	62.900.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
133	Hoạt thạch	<i>Talcum</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	27	122.850	3.316.950	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
134	Kim tiền thảo	<i>Herba Desmodii styracifolii</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	57	193.200	11.012.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
135	Mộc thông	<i>Caulis Clematidis</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	30	140.700	4.221.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	54	01/08/2018	31/03/2019
136	Phòng kỷ	<i>Radix Stephaniae tetrandrae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	72	406.350	29.257.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	7	01/08/2018	31/03/2019
137	Trạch tả	<i>Rhizoma Alismatis</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	157	224.700	35.277.900	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	48	01/08/2018	31/03/2019
138	Trư linh	<i>Polyporus</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	2	3.131.100	6.262.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	1	01/08/2018	31/03/2019

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
139	Xa tiền tử	<i>Semen Plantaginis</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	44	221.550	9.748.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	2	01/08/2018	31/03/2019
140	Xa tiền tử	<i>Semen Plantaginis</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	59	380.000	22.420.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	7	01/08/2018	31/03/2019
141	Ỗ dĩ	<i>Semen Coicis</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	161	201.600	32.457.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	32	01/08/2018	31/03/2019
142	Ỗ dĩ	<i>Semen Coicis</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	45	230.000	10.350.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	5	01/08/2018	31/03/2019
XXI. Thuốc tả hạ, nhuận hạ																	
143	Đại hoàng	<i>Rhizoma Rhei</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	118	241.500	28.497.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	62	01/08/2018	31/03/2019
144	Lô hội	<i>Aloe</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	30	404.250	12.127.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
145	Mật ong	<i>Mel</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	450	176.400	79.380.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
XXII. Nhóm thuốc hóa thấp tiêu đạo																	
146	Bạch đậu khấu	<i>Fructus Amomi</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	37	1.104.600	40.870.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	1	01/08/2018	31/03/2019
147	Hoắc hương	<i>Herba Pogostemonis</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	73	290.000	21.170.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	119	01/08/2018	31/03/2019
148	Kê nội kim	<i>Endothelium Corneum Gigeriae Galli</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	10	241.500	2.415.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	30	01/08/2018	31/03/2019
149	Lục thần khúc	<i>Massa medicata fermentata</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	41	287.700	11.795.700	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	7	01/08/2018	31/03/2019
150	Mạch nha	<i>Fructus Hordei germinatus</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	43	176.400	7.585.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	13	01/08/2018	31/03/2019
151	Ô tặc cốt	<i>Os Sepiae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	176	280.350	49.341.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	80	01/08/2018	31/03/2019
152	Sơn tra	<i>Fructus Mali</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	104	181.650	18.891.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	41	01/08/2018	31/03/2019
153	Thương truật	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	791	1.025.850	811.447.350	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	22	01/08/2018	31/03/2019
XXIII. Nhóm thuốc thu liễm, cố sáp																	
154	Khiếm thực	<i>Semen Euryales</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	75	379.050	28.428.750	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	66	01/08/2018	31/03/2019

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
155	Kim anh	<i>Fructus Rosae laevigatae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	55	298.200	16.401.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
156	Liên nhục	<i>Semen Nelumbinis</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	922	315.000	290.430.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	216	01/08/2018	31/03/2019
157	Mẫu lệ	<i>Concha Ostreae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	85	180.600	15.351.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	49	01/08/2018	31/03/2019
158	Ngũ vị tử	<i>Fructus Schisandrae</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	99	420.000	41.580.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	31	01/08/2018	31/03/2019
159	Sơn thù	<i>Fructus Corni officinalis</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	448	529.200	237.081.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	39	01/08/2018	31/03/2019
160	Tang phiêu tiêu	<i>Cotheca Mantidis</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	12	5.441.100	65.293.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
161	Nhục đậu khấu	<i>Semen Myristicae</i>	Bắc-Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	28	1.470.000	41.160.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	3	01/08/2018	31/03/2019
XXV. Nhóm thuốc bổ huyết																	
161	Bạch thực	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	2.863	306.600	877.795.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	994	01/08/2018	31/03/2019
162	Đương quy (Toàn quy)	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	4.806	726.600	3.492.039.600	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	1722	01/08/2018	31/03/2019
163	Hà thủ ô đỏ	<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	508	306.600	155.752.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	525	01/08/2018	31/03/2019
164	Hà thủ ô đỏ	<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	972	276.150	268.417.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	142	01/08/2018	31/03/2019
165	Long nhãn	<i>Arillus Longan</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	1.242	411.600	511.207.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	528	01/08/2018	31/03/2019
166	Thục địa	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	3.466	241.500	837.039.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	734	01/08/2018	31/03/2019
XXVI. Nhóm thuốc bổ âm																	
167	Câu kỷ tử	<i>Fructus Lycii</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	1.145	420.000	480.900.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	349	01/08/2018	31/03/2019
168	Mạch môn	<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	644	840.000	540.960.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	115	01/08/2018	31/03/2019
169	Mạch môn	<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đông dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	91	368.550	33.538.050	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	7	01/08/2018	31/03/2019

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
170	Ngọc trúc	<i>Rhizoma Polygonati odorati</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	52	810.600	42.151.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
171	Ngọc trúc	<i>Rhizoma Polygonati odorati</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	154	750.000	115.500.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	36	01/08/2018	31/03/2019
172	Quy bản	<i>Carapax Testudinis</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	36	698.250	25.137.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
173	Sa sâm	<i>Radix Glehniae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	593	682.500	404.722.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	144	01/08/2018	31/03/2019
174	Thạch斛	<i>Herba Dendrobii</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	36	403.200	14.515.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	0	01/08/2018	31/03/2019
175	Thiên môn đông	<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	277	997.500	276.307.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	113	01/08/2018	31/03/2019
XXVII. Nhóm thuốc bổ dưỡng																	
176	Ba kích	<i>Radix Morindae officinalis</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	732	900.000	658.800.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	151	01/08/2018	31/03/2019
177	Đỗ trọng	<i>Cortex Eucommiae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	3.294	264.600	871.592.400	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	1007	01/08/2018	31/03/2019
178	Cốt toái bổ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	602	168.000	101.136.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	261	01/08/2018	31/03/2019
179	Cẩu tích	<i>Rhizoma Cibotii</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	1.245	140.700	175.171.500	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	663	01/08/2018	31/03/2019
180	Dâm dương hoắc	<i>Herba Epimedii</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	87	295.050	25.669.350	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	26	01/08/2018	31/03/2019
181	Dây tơ hồng	<i>Herba Cuscutae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	180	149.100	26.838.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	31	01/08/2018	31/03/2019
182	Nhục thung dung	<i>Herba Cistanches</i>	Bắc	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTEX	Gói 1kg/2kg	Kg	158	1.671.600	264.112.800	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	14	01/08/2018	31/03/2019
183	Phá cố chỉ (Bồ cốt chỉ)	<i>Fructus Psoraleae corylifoliae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	83	269.850	22.397.550	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	5	01/08/2018	31/03/2019
184	Thỏ ty tử	<i>Semen Cuscutae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	34	420.000	14.280.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	10	01/08/2018	31/03/2019
185	Tục đoạn	<i>Radix Dipsaci</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	1.403	420.000	589.260.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	118	01/08/2018	31/03/2019

STT	Thông tin chung					Thông tin trúng thầu									Số lượng sử dụng thực tế		
	Tên dược liệu	Tên khoa học	Nguồn gốc	Nước sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị trúng thầu	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng trúng thầu	Tổng kinh phí trúng thầu		Thời gian thực hiện gói thầu		Số Quyết định trúng thầu	Số lượng	Thời gian	
										Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Bắt đầu	Kết thúc			Từ	Đến
186	Ích trí nhân	<i>Fructus Alpiniae oxyphyllae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	187	989.100	184.961.700	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	29	01/08/2018	31/03/2019
XXVIII. Nhóm thuốc bổ khí																	
187	Đảng sâm	<i>Radix Codonopsis</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty TNHH Đồng dược Đồng Hưng Đường	Gói 1kg/2kg	Kg	1.845	704.550	1.299.894.750	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	960	01/08/2018	31/03/2019
188	Đảng sâm	<i>Radix Codonopsis</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	1.110	900.000	999.000.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	22	01/08/2018	31/03/2019
189	Đại táo	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	3.186	210.000	669.060.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	1467	01/08/2018	31/03/2019
190	Bạch truật	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	1.616	749.700	1.211.515.200	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	704	01/08/2018	31/03/2019
191	Bạch truật	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Nam	Việt Nam	TCCS-ĐBVN IV	Công ty cổ phần Dược TW MEDIPLANTECH	Gói 1kg/2kg	Kg	730	390.600	285.138.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	25	01/08/2018	31/03/2019
192	Cam thảo	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Bắc	Việt Nam	QĐ 3759/QĐ-BYT	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	1.868	367.500	686.490.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	651	01/08/2018	31/03/2019
193	Hoài sơn	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	2.012	262.500	528.150.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	261	01/08/2018	31/03/2019
194	Hoàng kỳ (Bạch kỷ)	<i>Radix Astragali membranacei</i>	Bắc	Việt Nam	ĐBVN IV	Công ty CP Dược Phẩm Bắc Ninh	Gói 1kg/2kg	Kg	4.831	357.000	1.724.667.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	2857	01/08/2018	31/03/2019
XXIX. Nhóm thuốc dùng ngoài																	
195	Mã tiền	<i>Semen Strychni</i>	Nam	Việt Nam	ĐBVN IV	CTCPDP Thành Phát	Gói 1kg/2kg	Kg	32	630.000	20.160.000	19/07/2018	31/03/2020	1839/QĐ-SYT	4	01/08/2018	31/03/2019